

do cơ quan Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam thực hiện.

3. Quản lý vận hành luồng hàng hải chuyên dùng do doanh nghiệp đầu tư xây dựng luồng hàng hải chuyên dùng đó thực hiện theo quy định.

**Điều 7.** Thu phí và kinh phí cho quản lý vận hành luồng hàng hải

1. Kinh phí quản lý vận hành luồng hàng hải công cộng được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí quản lý vận hành luồng hàng hải chuyên dùng do doanh nghiệp vận hành luồng hàng hải chuyên dùng đó đảm nhận.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định việc thu, quản lý và sử dụng phí bảo đảm hàng hải.

**Điều 8.** Quản lý vận hành luồng hàng hải chuyên dùng

Doanh nghiệp quản lý luồng hàng hải chuyên dùng có nhiệm vụ sau:

1. Bảo đảm luồng hàng hải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.

2. Định kỳ báo cáo tình trạng luồng hàng hải theo quy định. Khi có thay đổi về luồng hàng hải so với khi công bố hoặc khi phát hiện có chướng ngại vật trên luồng hàng hải, doanh nghiệp phải báo ngay cho Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam để có biện pháp xử lý.

### Chương III

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 9.** Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều không có hiệu lực thi hành.

**Điều 10.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan

ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ  
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

**QUYẾT ĐỊNH** của Thủ tướng Chính phủ  
số 134/2003/QĐ-TTg ngày 09/7/2003  
về việc chuyển khu bảo tồn thiên  
nhiên Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận  
thành Vườn Quốc gia Núi Chúa,  
tỉnh Ninh Thuận.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 12 tháng 8 năm 1991;

Xét đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 1512/BNN-KL ngày 16 tháng 6 năm 2003) và của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (Công văn số 1291/KT ngày 10 tháng 6 năm 2003),

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chuyển Khu bảo tồn thiên nhiên Núi Chúa, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận thành Vườn quốc gia trong hệ thống các khu rừng đặc dụng Việt Nam, gồm các nội dung sau:

1. Tên gọi: Vườn Quốc gia Núi Chúa.

**2. Địa điểm, ranh giới và tọa độ:**

a) Phần diện tích trên đất liền nằm trên địa phận các xã: Công Hải, Lợi Hải, Vĩnh Hải và Phương Hải thuộc huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Ranh giới: Phía Bắc giáp huyện Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Phía Đông Nam và phía Đông giáp biển Đông.

Phía Tây và Phía Nam giáp vùng đệm của Vườn Quốc gia Núi Chúa.

- Tọa độ địa lý: Từ 11° 35' 25" đến 11° 48' 38" Vĩ độ Bắc.

Từ 109° 04' 05" đến 109° 14' 15" Kinh độ Đông.

b) Phần diện tích trên biển:

- Ranh giới: Phía Bắc là Mũi Đá Vách.

Phía Nam là Hòn Chông.

Chiều dài đường bờ: 24,96 km.

Chiều rộng nhất từ bờ ra biển: 4,5 km.

**3. Mục tiêu của Vườn Quốc gia Núi Chúa:**

- Bảo tồn tính đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng, biển Nam trung Bộ, đặc biệt là hệ sinh thái rừng khô tiêu biểu và độc đáo của Việt Nam với các loài động, thực vật rừng biển đặc hữu, quý hiếm. Phát huy những giá trị và chức năng của rừng trong việc bảo vệ môi trường.

- Phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục về môi trường và hợp tác quốc tế về bảo tồn thiên nhiên.

- Khai thác tiềm năng thiên nhiên, phát triển du lịch sinh thái, góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, đặc biệt là các xã thuộc vùng đệm của Vườn quốc gia.

**4. Quy mô diện tích và các phân khu chức năng:**

- Tổng diện tích tự nhiên của Vườn Quốc gia là: 29.865 ha.

Trong đó:

+ Phần diện tích trên đất liền là: 22.513 ha.

+ Phần diện tích trên biển là: 7.352 ha.

- Các phân khu chức năng:

a) Phân khu chức năng trên đất liền:

Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 16.087 ha.

Phân khu phục hồi sinh thái: 6.421 ha.

Phân khu hành chính dịch vụ: 5 ha.

b) Phân khu chức năng trên biển:

Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 568 ha (phạm vi từ Bãi Nhỏ đến lạch Nước Ngọt, chiều dài 6,3 ha).

Phân khu bảo vệ rùa biển: 99 ha.

Phân khu bảo vệ cỏ biển: 84 ha.

Phân khu hỗ trợ, bảo tồn tài nguyên sinh vật biển: 6.299 ha.

Phân khu du lịch sinh thái biển: 329 ha.

**5. Vùng đệm của Vườn Quốc gia Núi Chúa:**

Vùng đệm của Vườn Quốc gia Núi Chúa có diện tích là 7.350 ha, nằm trên địa bàn 6 xã: Công Hải, Lợi Hải, Vĩnh Hải, Tri Hải, Nhân Hải và Phương Hải thuộc huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận trực tiếp quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận có trách nhiệm:

- Chỉ đạo lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng và phát triển Vườn Quốc gia Núi Chúa và Dự án đầu tư xây dựng và phát triển vùng đệm của Vườn Quốc gia Núi Chúa theo các quy định hiện hành.

- Chỉ đạo lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái của Vườn Quốc gia Núi Chúa.

**Điều 3.** Tổ chức bộ máy của Vườn Quốc gia Núi Chúa:

Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh

Thuận quyết định về tổ chức bộ máy của Vườn Quốc gia Núi Chúa theo quy định tại Quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên ban hành kèm theo Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến thống nhất của các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

KT. Thủ tướng Chính phủ  
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

## CÁC BỘ

### LIÊN BỘ

**TƯ PHÁP - TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**THÔNG TƯ liên tịch số 03/2003/TTLT-BTP- BTNMT ngày 04/7/2003 hướng dẫn về trình tự, thủ tục đăng ký và cung cấp thông tin về thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.**

Căn cứ Nghị định số 08/2000/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2000 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 1999 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 79/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 1999 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất;

Nhằm đảm bảo tính thống nhất trong việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đăng ký, cung cấp thông tin trong lĩnh vực này, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về trình tự, thủ tục đăng ký và cung cấp thông tin về thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất như sau:

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn chi tiết các vấn đề sau đây:

1.1. Đăng ký, cung cấp thông tin về thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân trong nước; của tổ chức kinh tế, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; của tổ chức, cá nhân nước ngoài mà theo quy định của pháp luật các chủ thể này được quyền thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi chung là đăng ký, cung cấp thông tin về thế chấp, bảo lãnh);

1.2. Trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong việc đăng ký, cung cấp thông tin về thế chấp, bảo lãnh;

1.3. Trình tự, thủ tục đăng ký, cung cấp thông tin về thế chấp, bảo lãnh.

### 2. Các trường hợp đăng ký thế chấp, bảo lãnh

2.1. Các trường hợp thế chấp, bảo lãnh sau đây phải đăng ký: